

On our last day, we (go) to the Montjuïc Hill. While we (take) the cable car to the top, we (have) an amazing view of the city. At the top, we (visit) the Montjuïc Castle and (learn) about its history.

It (be) a wonderful trip, and I hope to visit Spain again soon.

Exercise 5. Viết đoạn văn khoảng 80 từ kể về một chuyến đi du lịch đáng nhớ của bạn. Bạn có thể sử dụng các gợi ý dưới đây:

- When was your trip?
- Where did you go? Who did you go with?
- What were you doing during the trip?
- Why was it the most memorable trip for you?

.....

.....

.....

.....

.....

Homework

Exercise 1. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng.

Travel writer

Tim Greenwood lives in Oakland, USA. He has written about Cambodia, Thailand and India. At the moment he is writing a book about Nepal.

Tim, how did you start travelling?

We never travelled as a family, but when I was a teenager I saw movies like Lawrence of Arabia and they made me want to travel. I left college at the age of 21 and went to Europe alone. That trip didn't go well – I was too young and didn't know how to look after myself.

How did you start writing?

I've loved writing since I was ten – I've never wanted any other career. At 21, I wrote for my weekly college paper and then started writing travel articles. At first, none of the travel magazines I sent them to wanted to buy them, but that slowly changed. It took two or three years, I guess.

What do you find difficult about writing?

It is easy to spend all my time travelling and then not have time to open up my laptop and work! Also, it's hard to earn enough money. I'll never stop writing, but one day I may have to do a few hours a week teaching just to pay the bills.

What's the best thing about being a travel writer?

I get letters from young people who've read my books and articles and enjoy my work. I just love that!

1. As a teenager, Tim
 - A went on trips with his parents.
 - B became interested in seeing the world.
 - C spent too much time watching TV.
2. What does Tim say about his trip to Europe?
 - A He didn't have time to see everything.
 - B It was more fun than college.
 - C It was not a great success.
3. When Tim was 21, he couldn't
 - A travel as much as he wanted to.
 - B decide what to write about.
 - C sell many of his articles.
4. In the future, Tim thinks he might
 - A do some extra work.
 - B earn more from writing.
 - C change his job.
5. What does Tim like about being a travel writer?
 - A hearing from his fans
 - B giving advice to people
 - C meeting other young writers

Exercise 2. Chia động từ phù hợp để hoàn thành câu.

1. While we (travel) to the mountains, we (see) a beautiful waterfall.
2. They (visit) the museum when they (find) a rare artifact.
3. She (take) photos of the sunset while he (write) in his journal.
4. I (lose) my passport while I (pack) my suitcase.
5. We (eat) at a seaside restaurant when it suddenly (start) to rain.
6. He (drive) through the countryside when his car (break) down.
7. While they (wait) for the train, they (meet) a friendly local.
8. We (explore) the old town when we (hear) the church bells.

Exercise 3.  Ghi âm bài nói miêu tả về chuyến đi đáng nhớ của mình, sử dụng từ vựng và ngữ pháp đã học trong bài.



Lesson 3. HEALTH

Pronunciation	Vowels (Diphthongs): /ɪə/, /eə/, /ʊə/
Vocabulary	Health
Grammar	Present perfect

Lesson preparation

Trước khi đến lớp, bạn cần hoàn thành phần bài tập sau để đảm bảo việc tiếp thu kiến thức trên lớp đạt hiệu quả. Sau khi làm xong, bạn có thể xem video chữa bài nhé.

Yêu cầu	Trạng thái hoàn thành
Exercise 1. Sắp xếp các cụm từ vào cột phù hợp.	☐
Exercise 2. Điền từ vào chỗ trống với các từ đã cho.	☐
Vocabulary box. Hoàn thành bảng từ vựng	☐

Exercise 1. Sắp xếp các cụm từ vào cột phù hợp.

a. Topic: Habits (Thói quen)

Sắp xếp các cụm từ vào cột phù hợp và tick vào thói quen lành mạnh & không lành mạnh mà bạn có.

eat a lot of junk food	follow a balanced diet	stay up late	have a sedentary lifestyle
get enough sleep	skip breakfast	do exercise regularly	cut down on soft drinks

Healthy habits	Unhealthy habits
☐	☐
☐	☐
☐	☐
☐	☐

b. Topic: Effects on health (Ảnh hưởng đến sức khỏe)

Sắp xếp các cụm từ vào cột phù hợp.

suffer from obesity	keep fit	put on weight without control
lose weight in a healthy way	being overweight	improve mental and physical health
Effects of healthy habits		Effects of unhealthy habits

Exercise 2. Điền từ vào chỗ trống với các từ đã cho.

sedentary	skip	up	junk
cut	balanced	regularly	enough

- I eat a lot of food, but I want to start following a diet.
- She stays late often, but she knows it's important to get sleep.
- He has a lifestyle, but he's trying to do exercise
- We need to down on soft drinks and start drinking more water.
- They breakfast sometimes, but they're learning it's better to eat something in the morning.

Vocabulary box

English	CEFR	Phonetics	Vietnamese
	B1	/ˈbælənst ˈdaɪət/	chế độ ăn uống cân bằng
	NA	/əʊˈbiːs/	béo phì
overweight (adj)	NA	/ˈoʊvərweɪt/	
	A1	/dʒʌŋk fud/	đồ ăn vặt
soft drink (n)	A2	/saft drɪŋk/	
	A2	/ˈsedntəri ˈlaɪfstaɪl/	lối sống ít vận động
	A1	/kʌt daʊn ʌn/	cắt giảm
put on weight (v)	A2	/pʊt ʌn weɪt/	
	A2	/lʊz weɪt/	giảm cân
	A2	/peɪ əˈtenʃən tu/	chú ý đến